

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 5 từ 4/10 đến 8/10)

KHỐI 7

SÔNG NÚI NƯỚC NAM

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. **Tác giả:** Chưa rõ, một số sách cũ cho rằng của Lí Thường Kiệt.

2. **Tác phẩm**

- Thể loại: Thơ trung đại.
- Dựa theo truyền thuyết: Ra đời năm 1077 trên dòng sông Như Nguyệt.
- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu đầu

- “Nam quốc”: nước Nam; “Nam đế cư”: vua Nam ở
- Đất nước đã có chủ, phân biệt và ngang hàng với Bắc đế.

- “Thiên thu”: sách trời

→Chân lý khách quan

→ Lời tuyên bố về chủ quyền đất nước. → Ý thức tự chủ.

→Thể hiện tình yêu nước, tự hào dân tộc.

2. Hai câu sau

- Chỉ rõ: bọn giặc sẽ thất bại thảm hại.

→ Lời cảnh báo đanh thép đối với quân xâm lược.

→ Ý chí, quyết tâm bảo vệ tổ quốc, bảo vệ độc lập dân tộc, niềm tin chiến thắng.

- Nhịp thơ 2/2/3: Nhanh, mạnh, dứt khoát

- Thể hiện sự phẫn nộ trước những hành động bạo nghịch của giặc.
⇒ Bài thơ được coi là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ (SGK/65)

TỪ HÁN VIỆT

I. ĐƠN VỊ CẤU TẠO TỪ HÁN VIỆT

1. Ví dụ

a. Ví dụ 1/SGK/69

- **Nam:** phương nam
- **Quốc:** nước
- **Sơn:** núi
- **Hà:** sông

→ Tiếng để cấu tạo từ Hán Việt.

→ Yếu tố Hán Việt.

- Tiếng “*Nam*” có thể dùng độc lập để đặt câu.

VD: Nhà tôi ở hướng nam.

- Tiếng “*quốc*”, “*son*”, “*hà*” không dùng độc lập để đặt câu được.

VD: - Có thể nói: Tố Hữu là một nhà thơ yêu nước.

- Không thể nói: Tố Hữu là một nhà thơ yêu quốc.

→ Phần lớn các yếu tố Hán Việt không dùng độc lập mà dùng để tạo từ ghép.

b. Ví dụ 2/SGK/69

- **Thiên** (*thiên* niên kỉ, *thiên* lí mã): nghìn
- **Thiên** (*thiên* đô về Thăng Long): đời

→ Có nhiều yếu tố Hán Việt đồng âm nhưng nghĩa khác xa nhau.

2. Ghi nhớ: SGK/69

II. TỪ GHÉP HÁN VIỆT

1. Ví dụ/SGK/70

- *Sơn hà, xâm phạm, giang sơn*: Từ ghép đẳng lập
- *Ái quốc, thủ môn, chiến thắng*: Từ ghép chính phụ (yếu tố chính đứng trước)

→ Trật tự giống với từ ghép thuần Việt

- *Thiên thu, thạch mã, tái phạm*: Từ ghép chính phụ (yếu tố phụ đứng trước)

→ Trật tự khác với từ ghép thuần Việt

2. Ghi nhớ/SGK/70

III. LUYỆN TẬP

Hoàn thành bài tập 1, 2, 3, 4 trong SGK/70,71.

PHÒ GIÁ VỀ KINH

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> Hiểu giá trị tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ <i>Phò giá về kinh</i> của Trần Quang Khải <u>Hoạt động:</u> <ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc văn bản <i>Phò giá về kinh</i> của Trần Quang Khải, sách giáo khoa Ngữ văn 7 tập 1, trang 65, 66 và trả lời các câu hỏi sau:<ul style="list-style-type: none">+ Hai câu thơ đầu nhắc đến những sự kiện lịch sử nào? Nhận xét về cách dùng từ ngữ, biện pháp nghệ thuật.+ Từ đó rút ra nội dung của hai câu thơ đầu? Tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ?+ Hai câu thơ cuối có gì đáng chú ý về nghệ thuật?+ Từ đó rút ra nội dung của hai câu thơ cuối?

Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	Hãy viết một đoạn văn ngắn từ 8 - 10 câu nêu suy nghĩ, cảm nhận của em về hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần.
---	--

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục:	

ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN BIỂU CẢM

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được bố cục của bài văn biểu cảm. - Yêu cầu của việc biểu cảm. - Cách biểu cảm gián tiếp và trực tiếp. <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc bài văn “<i>Tám gương</i>” trong SGK/ 84 - 85 và trả lời các câu hỏi sau: + Bài văn “<i>Tám gương</i>” biểu đạt tình cảm gì? + Để biểu đạt tình cảm đó, tác giả đã làm như thế nào? + Bố cục bài văn gồm có mấy phần? Hãy chỉ ra từng phần? + Theo em, vì sao tác giả lại mượn hình ảnh tám gương? + Ca ngợi gương là để gián tiếp ca ngợi ai/ cái gì? Đó là cách biểu đạt tình cảm trực tiếp hay gián tiếp? - Em hãy đọc đoạn văn ví dụ/SGK/86: “<i>Mẹ ơi!...mẹ có biết không?</i>” trích trong văn bản <i>Những ngày thơ ấu</i> của Nguyên Hồng và trả lời các câu hỏi sau: + Đoạn văn biểu đạt tình cảm gì? + Tình cảm ấy được biểu đạt trực tiếp hay gián tiếp? Thông qua dấu hiệu nhận biết nào?

Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i>	Thực hiện bài tập/ SGK/ 87
---	----------------------------

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục:	

(Tuần 6 từ 11/10 đến 15/10)

KHỐI 7

BÁNH TRÔI NƯỚC

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả: Hồ Xuân Hương – Bà Chúa thơ Nôm.

2. Tác phẩm

a. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt.

b. Kiểu văn bản: Biểu cảm.

c. Nội dung: Bài thơ “Bánh trôi nước” theo hai nghĩa:

- Nghĩa đen: Một món ăn tên bánh trôi nước.

- Nghĩa ẩn dụ: Thân phận và phẩm chất của người phụ nữ.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Hình ảnh bánh trôi nước

- “Vừa trắng vừa tròn”: chiếc bánh có màu trắng, hình tròn.

- “Bảy nổi ba chìm”: bánh khi sống sẽ chìm, khi chín sẽ nổi lên mặt nước.

- “Rắn nát” (cứng nhão): quá trình nhào nặn bột.

- “Lòng son”: nhân màu đỏ.

→ Hình ảnh bánh trôi nước hiện lên cụ thể, rõ ràng.

→ Từ ngữ, chi tiết được chọn lọc kỹ lưỡng.

2. Hình ảnh người phụ nữ

a. Câu 1: “Thân em vừa trắng lại vừa tròn”

- “Thân em”: motif quen thuộc trong văn học dân gian chỉ người phụ nữ.

- “Vừa trắng vừa tròn”: chỉ vẻ ngoài xinh đẹp, thân hình đầy đặn, trắng trẻo, căng tràn nhựa sống.

→ Ngoại hình.

→ Người phụ nữ tự tin, kiêu hãnh với nhan sắc của chính mình.

b. Câu 2: “Bảy nổi ba chìm với nước non”

- “Bảy nổi ba chìm”: thân phận chìm nổi, bấp bênh, bị định đoạt số phận.

→ Đảo ngược từ thành ngữ “Ba chìm bảy nổi”.

→ Kết thúc bằng từ “chìm” làm cho thân phận người phụ nữ thêm cùng cực và khiến lòng người xót xa, đồng cảm hơn.

* **Tiểu kết:** Sự đối lập

- Câu 1: Vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ → Hồng nhan bạc phận

- Câu 2: Nỗi khổ của người phụ nữ

→ Sự bất công của xã hội phong kiến đối với thân phận người phụ nữ.

c. Câu 3: “Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn”

- “Tay kẻ nặn”: chỉ chế độ nam quyền, xã hội phong kiến.

- “Mặc dầu”: sự gắng gượng, vươn lên của người phụ nữ để khẳng định chính mình.

→ Người phụ nữ không được làm chủ cuộc đời mình, tất cả phụ thuộc vào sự quyết định của người khác.

d. Câu 4: “Mà em vẫn giữ tấm lòng son”

- “Tấm lòng son”: phẩm chất trong trắng, thủy chung của người phụ nữ.

→ Dù cho gặp cảnh ngộ như thế nào người phụ nữ vẫn vươn lên, khẳng định và giữ gìn tấm lòng thủy chung, son sắt.

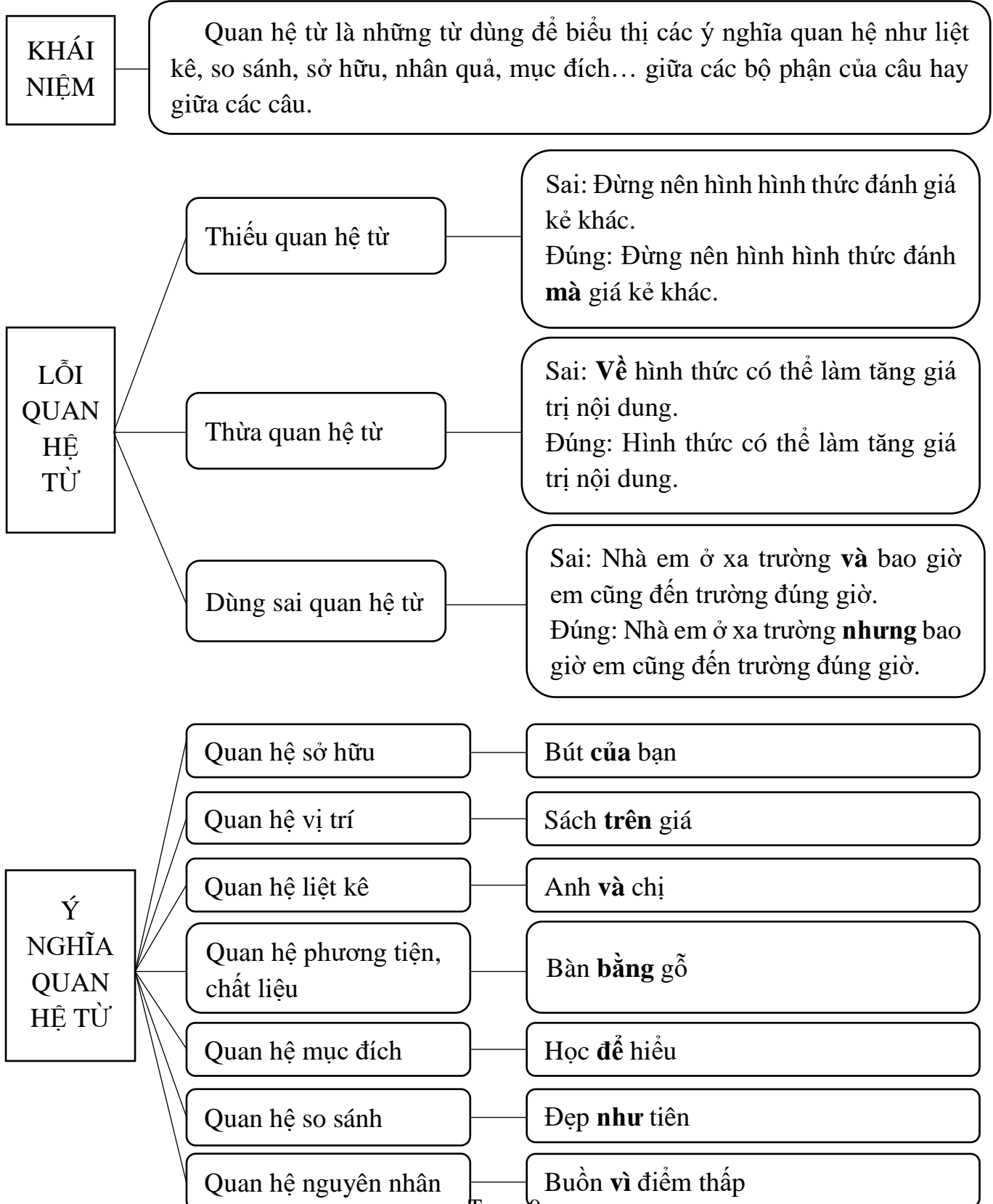
* **Tiểu kết:** Hai câu cuối là sự mạnh mẽ, giọng điệu thách thức như bất chấp, sẵn sàng chờ điều không may xảy ra.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ SGK/95

QUAN HỆ TỪ

I. TÌM HIỂU LÝ THUYẾT



II. LUYỆN TẬP

Bài tập 1: 1,2,3,4/SGK/98-99

Bài tập 2: 1,2,3,4/SGK/107-108

SAU PHÚT CHIA LY

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Cảm nhận được nỗi sầu chia li, ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa và niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.</p> <p><u>Hoạt động:</u> Đọc hiểu văn bản</p> <p>1. Khổ 1 (4 câu thơ đầu): Nỗi lòng trước khi xa cách</p> <p style="text-align: center;"><i>“Chàng thì đi cõi xa mưa gió</i> ... <i>Tuôn màu mây biết, trái ngàn núi xanh”</i></p> <p>Đọc bốn câu thơ đầu và trả lời câu hỏi:</p> <p>(?) Bốn câu thơ đầu đã gợi tả nỗi sầu chia li của người vợ như thế nào? <u>Gợi ý:</u> Nỗi sầu chia li được gợi tả qua không gian, sử dụng phép đối, điệp từ.</p> <p>(?) Cách dùng phép đối “Chàng thì đi” – “Thiếp thì về” có tác dụng gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li? <u>Gợi ý:</u> Hai người hai ngả: chồng thì đi xa vất vả, vợ về với cuộc sống cô đơn.</p> <p>(?) Hình ảnh “Tuôn màu mây biết, trái ngàn núi xanh” có tác dụng gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li?</p>

Gợi ý: Màu của tâm trạng, bức tường ngăn cách không gian.

Kết luận: Bốn câu thơ đầu là:

- Sự ngăn cách khắc nghiệt.
 - Nỗi cô đơn, thương nhớ cứ tuôn ra, cứ trải dài ra.
- Nỗi sầu trước cảnh chia li quá nặng nề.

2. Khổ 2 (4 câu thơ tiếp theo): Nỗi lòng khi xa cách

“Chôn Hàm Dương chàng còn ngảnh lại

...

Cây Hàm Dương, cách Tiêu Tương mấy trùng”

Đọc bốn câu thơ tiếp và trả lời câu hỏi:

(?) Bốn câu thơ tiếp theo đã gợi tả thêm nỗi sầu như thế nào?

Gợi ý: Dùng phép đối, đảo, tượng trưng ước lệ, điệp ngữ.

(?) Cách dùng phép đối “còn ngảnh lại” – “hãy trông sang” có ý nghĩa gì trong việc gợi tả nỗi sầu?

Gợi ý: Thể hiện sự trông ngóng, chờ đợi, luyến tiếc.

(?) Điệp ngữ và đảo ngữ “Hàm Dương”, “Tiêu Tương” có ý nghĩa gì trong việc gợi tả nỗi sầu?

Gợi ý: Hàm Dương và Tiêu Tương là hai địa danh cách rất xa nhau ở Trung Quốc. Tác dụng thể hiện khoảng cách địa lí của việc phân li.

Kết luận: Bốn câu thơ tiếp theo nỗi sầu chia li đã có sự tăng tiến, không chỉ nói đến nỗi chia li mà còn nói đến sự oái oăm, nghịch chướng: gấn bó mà không được gấn bó, gấn bó mà phải chia li.

3. Khổ 3 (4 câu thơ cuối): Nỗi sầu khi nhìn cảnh vật

“Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

...

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?...”

Đọc bốn câu thơ cuối và trả lời câu hỏi:

(?) Ở bốn câu thơ cuối nỗi sầu được gợi tả và nâng lên như thế nào?
Gợi ý: Dùng phép lặp, điệp ngữ bắc cầu.

(?) Các điệp ngữ “cùng”, “thấy” có tác dụng gì trong việc gợi tả nỗi sầu?
Gợi ý: Thể hiện sự quuyền luyến, bị rịn, quan tâm nhau.

(?) Cách nói “ngàn dâu” và “xanh ngắt” có tác dụng gì trong việc gợi tả nỗi sầu?
Gợi ý: Trời cao thăm thẳm đất rộng mênh mông, xa cách đến mất hút.

(?) Em có nhận xét gì về chữ “sầu” trong “ai sầu hơn ai” ở cuối bài thơ?
Gợi ý: Nhấn mạnh nỗi sầu của người chinh phụ ở trạng thái cao độ.

Kết luận: Bốn câu thơ cuối đã:

- Đặc tả thiên nhiên cảnh vật trong trạng thái chia cắt, cách biệt.
- Thể hiện rằng: thiên nhiên ngăn cách con người.

→ Tả cảnh ngụ tình.

4. Tổng kết (Ghi nhớ SGK/93)

Hoạt động 2: *Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*

Bài tập 1: Nguyên nhân của cuộc chia li là gì? Nguyên nhân này có ảnh hưởng đến tâm trạng, cảm xúc của các nhân vật không?

Bài tập 2: Văn bản “Sau phút chia li” đề cập đến nỗi sầu muộn của ai? Nhà thơ đã mượn lời của nhân vật nào để diễn tả nỗi niềm cảm xúc này? Việc mượn lời như thế có tác dụng gì?

Bài tập 3: Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện sự chia lìa, ngăn cách giữa vợ và chồng và điền vào bảng sau:

Sự chia lìa, ngăn cách giữa vợ và chồng			
	Khổ thơ 1	Khổ thơ 2	Khổ thơ 3
Từ ngữ			
Hình ảnh			

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục:	

BÀI CA CÔN SƠN

Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Cảm nhận được sự hoà nhập nên thơ, thanh cao giữa tâm hồn Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn.</p> <p><u>Hoạt động:</u> Đọc hiểu văn bản</p> <p>1. Cảnh trí Côn Sơn</p> <p>Đọc bài thơ và trả lời câu hỏi:</p> <p>(?) Cảnh tượng Côn Sơn được gợi tả bằng những chi tiết nào?</p> <p><u>Gợi ý:</u> Những chi tiết: suối chảy – đàn cầm, đá rêu – chiếu êm, thông – nôm, trúc.</p> <p>(?) Qua những chi tiết trên, em có nhận xét về cảnh tượng Côn Sơn.</p> <p><u>Gợi ý:</u> Cảnh vật ở trạng thái tĩnh lặng, bình yên.</p> <p>Kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cảnh vật vừa có âm thanh vừa có màu sắc, được quan sát ở góc hẹp và góc rộng.- Với nghệ thuật lấy động tả tĩnh, thiên nhiên Côn Sơn gợi lên một cách vừa êm ả, thanh bình vừa khoáng đạt, rộng lớn. <p>2. Cuộc sống và tâm hồn thi sĩ ở Côn Sơn</p> <p>Đọc bài thơ và trả lời câu hỏi:</p>

	<p>(?) Trong bài thơ tác giả đã sử dụng đại từ nào? Đại từ đó chỉ ai và được sử dụng bao nhiêu lần?</p> <p><u>Gợi ý:</u> Đại từ nhân xưng “ta” được sử dụng 5 lần để chỉ cho chính thi sĩ.</p> <p>(?) Ở Côn Sơn, nhân vật xưng “ta” đã làm những việc gì?</p> <p><u>Gợi ý:</u> Nghe tiếng suối, ngồi trên đá, nằm, ngâm thơ.</p> <p>(?) Em có cảm nghĩ gì về hình ảnh nhân vật “ta” đang “ngâm thơ nhàn” trong “màu xanh mát” của “bóng trúc râm”? Từ đó, em hình dung thi sĩ Nguyễn Trãi ở Côn Sơn là con người thế nào?</p> <p><u>Gợi ý:</u> Sự nhàn hạ ngồi ngâm thơ trong khung cảnh thiên nhiên. Nguyễn Trãi là một người yêu thiên nhiên và chuộng lối sống nhàn tản.</p> <p>(?) Em có suy nghĩ gì về chữ “nhàn” ở cuối bài thơ?</p> <p><u>Gợi ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi nhàn một nửa, nửa còn lại ông luôn đau đầu việc dân việc nước. - Chữ “nhàn” mang tính chất tích cực, tha thiết với đời, không buông xuôi. <p>Kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi hiện lên với một phong thái ung dung, thanh thoi, nhàn tản. - Thi sĩ thả hồn mình giao hoà với cảnh sắc thiên nhiên. - Nhân cách thanh cao, phẩm chất thi sĩ của Nguyễn Trãi. <p>3. Tổng kết (Ghi nhớ SGK/81)</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p>Bài tập 1: Viết bài văn phân tích đoạn trích “Bài ca Côn Sơn” để thấy được sự giao hoà trọn vẹn giữa con người và thiên nhiên.</p> <p><u>Gợi ý:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mở bài: Giới thiệu khái quát về nội dung đoạn trích. 2. Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh thiên nhiên hiện lên như thế nào?

	<ul style="list-style-type: none"> - Con người xuất hiện trong thiên nhiên bằng những việc gì? - Cách sắp xếp các câu thơ ra sao? (đan xen, sóng đôi, hoà quyện). <p>3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề.</p> <p>Bài tập 2: Em ấn tượng với hình ảnh, chi tiết nào nhất trong văn bản “Bài ca Côn Sơn”? Tại sao?</p>
--	---

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục:	

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 7 từ 11/10 đến 15/10)

KHỐI 7

QUA ĐÈO NGANG

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả

- Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh, sống vào thế kỉ XIX. Quê Nghi Tàm – Tây Hồ - Hà Nội.
- Là một trong ba nhà thơ nữ nổi tiếng nhất ở thế kỉ XVIII – XIX.

2. Tác phẩm

- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.
- Bố cục: Đề, thực, luận, kết.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu đề

- Không gian: cảnh Đèo Ngang
- Thời gian nghệ thuật: lúc xế tà (đã về chiều)

→ gợi buồn, nhớ làm tăng thêm nỗi cô đơn trong lòng tác giả trên đường lưu thứ tha hương.

- Cảnh vật: cỏ cây, lá, đá, hoa

→ Động từ “chen” điệp hai lần gợi sức sống cỏ cây ở một nơi vô cùng hoang vu.

2. Hai câu thực

- Nghệ thuật đối, đảo ngữ, lập cú pháp

→ Nhấn mạnh tính chất đặc điểm của con người và cảnh vật.

- Sử dụng các từ láy: Lom khom, lác đác → tạo ấn tượng người trong cảnh, cảnh trong cảnh thêm nổi bật.
- Cảm xúc buồn, thiếu sức sống trước cảnh hoang vắng, heo hút, buồn hoang sơ nơi con đèo xa xôi lúc chiều tà.

3. Hai câu luận

- Nghệ thuật đối đảo ngữ lấy động để tả tĩnh đồng âm ẩn dụ tượng trưng.

→ Nhấn mạnh tâm trạng của tác giả:

- Đó là tiếng lòng tha thiết da diết của nhà thơ nhớ nhà, quê nhớ quá khứ của đất nước nhớ kinh thành Thăng Long tâm trạng hoài cổ.
- Tiếng chim kêu buồn khắc khoải triền miên không dứt làm tăng thêm sự vắng lặng và càng xoáy sâu thêm vào nỗi buồn nhớ của nhà thơ.

4. Hai câu kết

- Biện pháp đối ý: Trời, non, nước >< một mảnh tình riêng

→ Cụm từ nỗi buồn cô đơn xa vắng của người lữ khách đứng trên đỉnh đèo.

- Cụm từ: “ta với ta”: tuy hai mà một, chỉ để nói một người, một nỗi buồn, một nỗi cô đơn không ai chia sẻ giữa đất trời rộng lớn bao la.

→ Cụm từ tâm trạng cô đơn buồn đau nhớ tiếc quá khứ nội thương nước nhớ nhà của tác giả.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ SGK/104

TỪ ĐỒNG NGHĨA

I. THẾ NÀO LÀ TỪ ĐỒNG NGHĨA?

1. Ví dụ (SGK/113,114)

a. Ví dụ 1:

- Rọi: Chiếu (soi)
- Trông: Nhìn (ngó, nhòm, liếc)

b. Ví dụ 2:

- Các từ đồng nghĩa với từ “trông”: trông coi, chăm sóc, coi sóc, giữ gìn cho yên ổn.
- Mong: Mong, hi vọng, trông mong.

2. Kết luận Ghi nhớ 1: SGK/114

II. CÁC LOẠI TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Ví dụ (SGK/114)

a. Ví dụ 1:

- Từ “quả” và từ “trái” đồng nghĩa với nhau.

⇒ Có thể thay thế cho nhau trong mọi hoàn cảnh.

⇒ Đồng nghĩa hoàn toàn. (không có sắc thái ý nghĩa khác nhau)

b. Ví dụ 2:

- Hai từ “bỏ mạng” và “hi sinh”

⇒ Giống nhau: Đều có nghĩa là chết.

⇒ Khác nhau:

+ “Bỏ mạng”: Chết vô ích → Mang sắc thái khinh bỉ.

+ “Hi sinh”: Chết vì nghĩa vụ, lí tưởng cao cả → Mang sắc thái kính trọng

2. Kết luận:

Ghi nhớ 2: SGK/114.

III. LUYỆN TẬP

Hoàn thành bài tập 1, 2, 3, 4 trong SGK/115.

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận được tình cảm bạn bè đậm đà, thắm thiết, hồn nhiên của Nguyễn Khuyến và bức tranh quê đậm đà hương sắc Việt Nam. - Nét đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ. <p><u>Hoạt động:</u> (Xem SGK/104,105)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Em biết gì về tác giả Nguyễn Khuyến? 2. Câu thơ mở đầu nói về việc gì? 3. Thực tế Nguyễn Khuyến đã tiếp bạn trong hoàn cảnh nào? 4. Thông qua câu cuối và sáu câu thơ trên em có nhận xét gì về tình bạn của Nguyễn Khuyến?
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>Hoàn thành bài tập 1b (Luyện tập/SGK/106)</p>

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục	

VIẾT NGẮN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1:</p> <p><i>Đọc hướng dẫn và thực hiện các yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Về nội dung:<ul style="list-style-type: none">+ Nắm kiến thức chính về thể loại văn miêu tả.+ Viết được bài văn miêu tả đúng yêu cầu của đề.- Về hình thức:<ul style="list-style-type: none">+ Sử dụng đúng từ ngữ.+ Hình thành câu đúng kết cấu (chủ ngữ, vị ngữ,...).+ Biết bố cục trình bày một đoạn văn ngắn. <p><u>Hoạt động:</u></p> <p>Hướng dẫn thực hành viết đoạn văn ngắn: Khi viết đoạn văn ngắn cần thực hiện các bước như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Bước 1: Xác định chủ đề, câu chủ đề, từ ngữ chủ đề (Viết về cái gì? Những từ ngữ dự định sử dụng có thuộc chủ đề hay không? ...) và chọn vị trí cho câu chủ đề+ Bước 2: Viết câu mở đoạn (có thể chứa câu chủ đề) để giới thiệu vấn đề+ Bước 3: Viết thân đoạn bao gồm từng công đoạn giải thích cụm từ hoặc cả câu, bàn luận (lý giải nguyên nhân, đưa ra những dẫn

	<p>chứng cụ thể, xác thực, lợi ích hoặc tác hại của vấn đề, mở rộng – phản bác vấn đề, rút ra bài học cho bản thân...)</p> <p>+ Bước 4: Viết kết đoạn (có thể chứa câu chủ đề) nhằm khẳng định lại tính chính xác của vấn đề, bao quát, tóm gọn lại vấn đề</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>Viết một đoạn văn ngắn từ 6 – 8 câu nêu suy nghĩ của em về lợi ích của việc đọc sách.</p>

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục ...	

(Tuần 8 từ 11/10 đến 15/10)

KHỐI 7

TỈNH DẠ TỬ

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả: Lý Bạch (701 – 762), thi tiên.

2. Tác phẩm

- Sáng tác khi tác giả xa quê.
- Thể thơ: Ngũ ngôn cổ thể

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu thơ đầu

“Sàng tiền minh nguyệt quang

Nghi thị địa thượng sương”

- “minh nguyệt quang”: Ánh trăng rọi → khiến tác giả nhớ quê
- Nơi ngắm ánh trăng: Đầu giường (“sàng tiền”)

⇒ Tác giả không ngủ được vì nhớ quê.

- Tâm trạng: ngỡ → như mơ như thực

→ Nghệ thuật: Tả cảnh ngụ tình

⇒ Cảnh đẹp, yên tĩnh; tâm trạng buồn, nhớ quê của tác giả.

2. Hai câu thơ cuối

“Cử đầu vọng minh nguyệt

Đê đầu tư cố hương”

- Nghệ thuật: Sử dụng phép đối
- Tư thế: ngẩng đầu (cử đầu) < > cúi đầu (đê đầu) → đều nhớ quê hương
- Biểu cảm:
 - Gián tiếp: tả cảnh ngụ tình

- Trực tiếp: nhớ (lúc nào, làm gì, trạng thái nào cũng nhớ quê hương)
- ⇒ Diễn tả hai tâm trạng trong một con người: niềm vui ngắm trăng là vô tận, nỗi buồn nhớ quê là khôn cùng.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ SGK/124

LẬP DÀN Ý BÀI VĂN BIỂU CẢM (Loài cây em yêu)

I. CHUẨN BỊ TRƯỚC

Đề bài: Loài cây em yêu

1. Tìm hiểu đề và ý

- Đối tượng biểu cảm: Loài cây => Cây gì? Vì sao em yêu?
- Định hướng cảm xúc: Em yêu => Yêu như thế nào? (sự gắn bó, kỉ niệm)

2. Lập dàn ý

a. Mở bài: Giới thiệu chung về loài cây em yêu, lí do em yêu.

b. Thân bài:

- Biểu cảm về loài cây em yêu
 - + Đặc điểm về hình dáng, kích thước của cây...
 - + Đặc điểm về cành, lá, hoa, quả...
 - Biểu cảm về những giá trị của cây
 - + Cây cho hoa, quả, gỗ, củi...
 - + Cây cho bóng mát
 - Tình cảm của em đối với loài cây mà em yêu quý
 - + Kể lại một vài kỉ niệm, sự gắn bó của em với cây
 - + Em luôn chăm sóc, bảo vệ cây...
- ⇒ Bộc lộ cảm xúc, tình cảm của em đối với loài cây em yêu.

c. Kết bài:

- Khẳng định tình cảm của em đối với loài cây mà em yêu quý.

II. THỰC HÀNH

Viết thành bài văn hoàn chỉnh.

HỒI HƯƠNG NGÃU THU

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> <ul style="list-style-type: none">- Sơ lược về tác giả Hạ Tri Chương- Nghệ thuật đối và vai trò câu kết, nét độc đáo về tứ thơ của bài thơ- Tình cảm quê hương là tình cảm sâu nặng, bền chặt... <u>Hoạt động:</u> <ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc phần chú thích SGK/127 và ghi nhận những thông tin về tác giả Hạ Tri Chương- Em hãy đọc bài thơ (SGK/125,126) và thực hiện trả lời các câu hỏi sau:<ol style="list-style-type: none">1. Nghệ thuật nổi bật trong hai câu thơ đầu là gì?2. Em có nhận xét gì về thời gian xa quê của tác giả?3. Xa quê lâu như vậy, điều gì thay đổi và điều gì không thay đổi ở tác giả? Em có nhận xét gì?4. Hình ảnh đầu tiên tác giả bắt gặp lúc về làng là ai? Có ai nhận ra tác giả không? Vì sao?

	<p>5. Sự xuất hiện của nhi đồng và tiếng cười, câu hỏi hồn nhiên ngây thơ của các em làm cho tác giả có cảm giác như thế nào?</p> <p>6. Em có nhận xét gì về giọng điệu của hai câu thơ cuối?</p> <p>7. Sự biểu hiện tình cảm quê hương ở hai câu thơ đầu và hai câu thơ cuối có gì khác nhau về giọng điệu?</p> <p>8. Có ý kiến cho rằng hai câu thơ đầu và hai câu thơ cuối có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Ý kiến của em như thế nào?</p> <p>9. Em đã học những bài thơ nào nói về tình cảm quê hương?</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>- Em hãy rút ra nét đặc sắc nghệ thuật và nội dung bài thơ</p>

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục:	

TỪ TRÁI NGHĨA

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> <ul style="list-style-type: none">- Nắm được khái niệm và tác dụng của từ trái nghĩa trong văn bản.- Nhận biết và sử dụng từ trái nghĩa sao cho phù hợp. Hoạt động: <ul style="list-style-type: none">- Em đọc và tìm hiểu ngữ liệu phần I SGK/128 và trả lời các câu hỏi sau:<ol style="list-style-type: none">1. Tìm các cặp từ trái nghĩa có trong hai bản dịch thơ “<i>Tĩnh dạ tứ</i>” và “<i>Hồi hương ngẫu thư</i>”. Cho biết các cặp từ đó trái nghĩa nhau theo cơ sở nào?2. Tìm từ trái nghĩa với từ già trong trường hợp rau già, cau già?3. Em hãy cho ví dụ 3 đến 5 cặp từ trái nghĩa?- Em đọc và tìm hiểu ngữ liệu phần II SGK/128 và trả lời các câu hỏi sau:<ol style="list-style-type: none">1. Trong hai bài thơ trên, từ trái nghĩa được sử dụng để làm gì?2. Phân tích tác dụng của việc sử dụng từ trái nghĩa?3. Tìm một số thành ngữ có sử dụng từ trái nghĩa và nêu tác dụng của việc sử dụng từ trái nghĩa ấy?
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra,</i>	<ul style="list-style-type: none">- Làm bài tập 1,2,3,4/SGK/129

<i>đánh giá quá trình tự học</i>	
----------------------------------	--

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục:	

<p>Trường THCS Chi Lăng</p> <p>Lớp..... Mã Số.....</p> <p>Họ tên:.....</p>
--

BÀI KIỂM TRA THƯỜNG

XUYÊN LẦN 1

KHỐI 7

Câu 1: (5,0 điểm) Cho các từ láy sau: *bần bật, thăm thẳm, nức nở, tức tưởi, rón rén, lặng lẽ, rục rĩ, nhảy nhót, chiêm chiếp, riu riu*. Hãy sắp xếp từ láy phù hợp theo bảng phân loại sau:

Từ láy toàn bộ
Từ láy bộ phận

Câu 2: (5,0 điểm) Hãy viết đoạn văn ngắn (6-8 câu) trình bày suy nghĩ của em về buổi tựu trường đáng nhớ. Trong đó có sử dụng 01 từ ghép chính phụ và 01 từ ghép đẳng lập

→ Lưu ý: Bài làm cần đảm bảo các tiêu chí sau:

- Hình thức
 - Đủ số câu quy định
 - Lùi đầu dòng, chấm câu kết thúc đoạn
 - Không lỗi diễn đạt, lỗi chính tả
 - Đủ bộ cục mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn
- Nội dung
 - Bám sát đề bài
 - Trình bày nội dung hợp lý, tích cực

